

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**Số: **1865**/BNV-CVL

V/v tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động

Hà Nội, ngày **28** tháng **4** năm 2025

Kính gửi:

Ngày 28/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 209/NQ-CP: Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 31/CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn trong tình hình mới, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nay là Bộ Nội vụ Tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

Để đánh giá việc thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, Bộ Nội vụ trân trọng đề nghị các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

1. Tổ chức tổng kết, báo cáo việc thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 giai đoạn từ 2016 - 2025 (theo đề cương kèm công văn này) gửi về Bộ Nội vụ (qua Cục Việc làm, địa chỉ số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, số điện thoại liên hệ 0946585789) để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

- Mốc thời gian đánh giá thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động được tính từ ngày 01/7/2016 đến 01/5/2025.

- Thời hạn đề nghị gửi báo cáo: Trước ngày 30/6/2025.

2. Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị tổ chức Hội nghị tổng kết. Trường hợp tổ chức Hội nghị tổng kết (hoàn thành trước 30/8/2025) thì thông báo về Bộ Nội vụ (qua Cục Việc làm) để triển khai.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, ngành liên quan;
- Sở Nội vụ các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Lưu: VT, CVL

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Lê Văn Thanh**

ĐỀ CƯƠNG TỔNG KẾT
LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Kèm theo công văn số ~~1365~~ BNV-CVL ngày ~~28~~ tháng ~~4~~ năm 2025
của Bộ Nội vụ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI TỔNG KẾT

1. Mục đích tổng kết

Đánh giá một cách khách quan, toàn diện quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành qua 10 năm thi hành: Làm rõ tác động tích cực của Luật An toàn, vệ sinh lao động tới mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, việc làm bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tác động qua lại giữa phát triển kinh tế - xã hội với công tác an toàn, vệ sinh lao động, đặc biệt là quy định về hỗ trợ kinh tế tư nhân, xã hội hóa dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; mối liên hệ giữa Luật An toàn, vệ sinh lao động với các luật, pháp lệnh, điều ước quốc tế có liên quan; sự phối hợp của các bên liên quan trong công tác an toàn, vệ sinh lao động; những thành công và hạn chế trong quy định và tổ chức thực hiện Luật An toàn, vệ sinh lao động; làm rõ tính phù hợp khả thi của các quy định hiện hành; xác định những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn an toàn, vệ sinh lao động cần được điều chỉnh; đưa ra các kiến nghị, giải pháp cụ thể trong sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu tổng kết

Việc tổng kết cần được thực hiện nghiêm túc, toàn diện ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là địa phương) và các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan ở Trung ương. Nội dung tổng kết phải thiết thực, phản ánh đúng thực tế khách quan, có phân tích, đánh giá sâu sắc, làm rõ những hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục, tránh làm theo kiểu thống kê, báo cáo thành tích.

Kết quả tổng kết phải xây dựng thành báo cáo để gửi Bộ Nội vụ - Cơ quan chủ trì tổng kết Luật An toàn, vệ sinh lao động.

3. Phạm vi tổng kết

Tổng kết toàn diện các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động, các văn bản hướng dẫn và thực tiễn thi hành kể từ ngày luật này có hiệu lực thi hành (01/7/2016) đến ngày 30/6/2025.

II. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Nội dung tổng kết

a) Đánh giá sự tác động của Luật An toàn, vệ sinh lao động đến mục tiêu đảm bảo an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với mục tiêu ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố và các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

b) Đánh giá toàn diện các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn về quy định chung; về các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm có hại; chế độ nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; bồi dưỡng hiện vật; chăm sóc và khám sức khỏe; khám và giám định bệnh nghề nghiệp; các hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, quan trắc môi trường lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, chứng chỉ chứng nhận y tế lao động; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; các hoạt động triển khai an toàn, vệ sinh lao động ở các cấp cơ sở, khu vực không có hợp đồng lao động; các chương trình, kế hoạch về an toàn, vệ sinh lao động; các hoạt động thống kê, báo cáo an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động, sự cố, bệnh nghề nghiệp; tổ chức điều tra và điều tra lại tai nạn lao động; việc phối hợp điều tra tai nạn lao động nghiêm trọng có dấu hiệu hình sự; cơ chế phối hợp của hội đồng quốc gia, cấp tỉnh; việc tổ chức thanh tra về an toàn, vệ sinh lao động; việc phân chia, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Thông qua đó, nêu rõ thành tựu, thuận lợi, khó khăn, bất cập, hạn chế của Luật, nguyên nhân những khó khăn, hạn chế, bất cập đó; xác định những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn triển khai công tác an toàn, vệ sinh lao động cần được điều chỉnh.

Đặc biệt đánh giá các điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, các loại khai báo, báo cáo.

c) Rà soát, đánh giá mối quan hệ giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với các luật khác và điều ước quốc tế có liên quan.

d) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2. Nội dung công việc tổng kết đối với các bộ, tổ chức Trung ương

2.1. Bộ Nội vụ:

- Báo cáo tổng kết Luật An toàn, vệ sinh lao động trong đó tập trung vào các vấn đề sau:

- Đánh giá các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động qua thực tiễn thi hành pháp luật về: Các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, các yếu tố có hại; chế độ nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; bồi dưỡng hiện vật; các hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phối hợp điều tra tai nạn lao động nghiêm trọng có dấu hiệu hình sự; các hoạt động thống kê báo cáo an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động, khai báo và báo cáo kiểm định, báo cáo huấn luyện, báo cáo bảo hiểm; cơ chế phối hợp hội đồng quốc gia, cấp tỉnh; việc tổ chức kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động; các hoạt động triển khai an toàn, vệ sinh lao động ở các cấp cơ sở, khu vực không có hợp đồng lao động; các quy định về an toàn, vệ sinh lao động đối với lao động đặc thù (cao tuổi, khuyết tật, chưa thành niên, lao động đi làm việc ở nước ngoài, lao động nữ).

- Rà soát, tổng hợp đánh giá về mối quan hệ giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với quy định của Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự, Luật Điện lực, Luật Hóa chất, Luật xây dựng, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn, Luật Quản lý chất lượng hàng hóa, Luật Bình đẳng giới, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Bảo hiểm xã hội, các luật khác và điều ước quốc tế mà Việt Nam có liên quan.

2.2. Bộ Y tế:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động qua thực tiễn thi hành pháp luật về các vấn đề sau:

- Đánh giá các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động qua thực tiễn thi hành pháp luật về: chăm sóc và khám sức khỏe, hồ sơ sức khỏe; khám giám định bệnh nghề nghiệp; giám định suy giảm khả năng lao động; các hoạt động quan trắc môi trường lao động, cấp chứng chỉ y tế lao động; danh mục bệnh nghề nghiệp; điều tra bệnh nghề nghiệp, điều tra lại bệnh nghề nghiệp; hoạt động sơ cấp cứu, tổ chức lực lượng sơ cấp cứu; các hoạt động thống kê, báo cáo, lập hồ sơ vệ sinh lao động; thống kê, báo cáo tai nạn lao động trong các bệnh viện; tổ chức, tiêu chuẩn người làm ở bộ phận y tế; việc tham gia của ngành y tế trong hoạt động của hội đồng quốc gia, cấp tỉnh; các hoạt động triển khai an toàn, vệ sinh lao động ở các cấp cơ sở, khu vực không có hợp đồng lao động; các chương trình về chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

- Rà soát, đánh giá mối quan hệ giữa Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật bảo hiểm y tế, Luật phòng chống các bệnh truyền nhiễm, Luật an toàn thực phẩm, Luật bảo vệ môi trường, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, các luật khác và điều ước quốc tế liên quan đến vệ sinh lao động mà Việt Nam là thành viên có liên quan.

2.3. Bộ Công an:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động trong ngành Công an, trong đó tập trung vào bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong ngành Công an, chủ trì phối hợp điều tra tai nạn có dấu hiệu hình sự, điều tra tai nạn lao động trong ngành Công an; đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với Luật phòng cháy, chữa cháy.

2.4. Bộ Quốc phòng:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực quốc phòng, trong đó tập trung vào việc triển khai công tác an toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực đặc thù; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phối hợp điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong lĩnh vực quốc phòng.

2.5. Bộ Công thương:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động trong ngành Công Thương, trong đó tập trung vào: Đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với các quy định của Luật Điện lực, Luật

Hóa chất, Luật Dầu khí, kiểm định, huấn luyện kỹ thuật an toàn ngành Công - Thương; hoạt động điều tra tai nạn lao động trong lĩnh vực Dầu khí.

2.6. Bộ Xây dựng:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động trong ngành Xây dựng, trong đó tập trung vào: Đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với các quy định của Luật Xây dựng; hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn của ngành; điều tra sự cố trong xây dựng; về lĩnh vực Giao thông vận tải, tập trung vào: đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật An toàn, vệ sinh lao động với các quy định của Luật Hàng hải, Luật Hàng không dân dụng, Luật Giao thông đường bộ, Luật đường sắt, kiểm định kỹ thuật an toàn, điều tra tai nạn lao động trong lĩnh vực chuyên ngành của Giao thông vận tải (hàng hải, hàng không, đường sắt, đường bộ).

2.7. Bộ Ngoại giao:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động, trong đó tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

Đánh giá quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động đối với quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài. Đánh giá về sự đồng bộ thống nhất giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc chuẩn bị gia nhập có liên quan.

2.8. Tòa án nhân dân tối cao:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động trong ngành tòa án về các nội dung:

- Đánh giá các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động thông qua công tác xét xử, giải quyết các vụ việc vi phạm quy định về an toàn, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người; vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi làm các nghề, công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm.

- Đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với các quy định của Bộ luật Hình sự.

2.9. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động thông qua hoạt động phối hợp điều tra tai nạn lao động có dấu hiệu hình sự, công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc điều tra, xét xử các tội vi phạm quy định về an toàn, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người dưới 16 tuổi làm các nghề, công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm.

2.10. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động, trong đó tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

- Đánh giá các quy định về trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với an toàn, vệ sinh lao động; những nguyên tắc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, chế

độ an toàn, vệ sinh lao động; áp dụng tập quán an toàn, vệ sinh lao động; quyền và nghĩa vụ của người lao động (kể cả lao động đặc thù); mô hình hoạt động an toàn, vệ sinh viên; vai trò tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở trong vấn đề an toàn, vệ sinh lao động; sự tham gia đại diện người lao động trong điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; việc tham gia các hoạt động phối hợp của công đoàn trong các hoạt động của hội đồng quốc gia, hội đồng cấp tỉnh và các sự kiện về an toàn, vệ sinh lao động; vai trò công đoàn trong việc phong trào quần chúng về an toàn, vệ sinh lao động; các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ an toàn, vệ sinh lao động.

- Đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với Luật Công đoàn, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan hoặc gia nhập liên quan đến đại diện người lao động tại cơ sở, các thách thức trong giai đoạn tới.

2.11. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động, trong đó tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

Đánh giá các quy định về trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với an toàn, vệ sinh lao động; những nguyên tắc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, chế độ an toàn, vệ sinh lao động; áp dụng tập quán an toàn, vệ sinh lao động; quyền và nghĩa vụ của người lao động, đặc biệt là nông dân, ngư dân; vai trò tổ chức đại diện người lao động là nông dân, ngư dân ở cơ sở trong vấn đề an toàn, vệ sinh lao động; sự tham gia đại diện người lao động trong điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; việc tham gia các hoạt động phối hợp của Hội Nông dân các cấp trong hoạt động của hội đồng quốc gia, hội đồng cấp tỉnh và các sự kiện về an toàn, vệ sinh lao động; vai trò của Hội Nông dân trong việc phong trào quần chúng về an toàn, vệ sinh lao động.

2.12. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:

Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động, trong đó tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

Đánh giá các quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với an toàn, vệ sinh lao động; việc triển khai công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; vai trò tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong vấn đề an toàn, vệ sinh lao động; việc tham gia các hoạt động phối hợp của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong các hoạt động của hội đồng quốc gia, hội đồng cấp tỉnh và các sự kiện về an toàn, vệ sinh lao động.

2.13. Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động, trong đó tập trung vào tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (mức hưởng, hồ sơ, quy trình, thủ tục giải quyết...) và các đề xuất về mức đóng, mức hưởng mới phù hợp bảo đảm cân đối thu chi quỹ và bù đắp được những

chi phí sinh hoạt cần thiết cho cuộc sống của người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.14. Các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức khác ở trung ương:

Báo cáo tổng kết Luật An toàn, vệ sinh lao động, trong đó làm rõ những nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý hoặc vai trò cơ quan, tổ chức và các vướng mắc trong quá trình thi hành Luật; các hạn chế, bất cập và kiến nghị, đề xuất giải pháp giải quyết.

3. Nội dung tổng kết với các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước

Tổ chức tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động từ các đơn vị thành viên đến Tập đoàn, Tổng Công ty, trong đó làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật; các kiến nghị, đề xuất giải pháp giải quyết phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp.

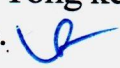
4. Nội dung tổng kết đối với các địa phương

- Đánh giá các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động thông qua thực tiễn an toàn, vệ sinh lao động ở địa phương. Trong đó tập trung làm rõ tính phù hợp, khả thi của các quy định hiện hành; xác định những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn an toàn, vệ sinh lao động cần được điều chỉnh;

- Đánh giá về sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với quy định của các luật khác và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Hình thức tổng kết

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, các tổ chức khác tùy theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất và khối lượng công việc, quyết định tổ chức Hội nghị tổng kết hoặc chỉ xây dựng Báo cáo tổng kết Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2025 theo tinh thần chỉ đạo nêu trên.

- Tổ chức Hội nghị Tổng kết toàn quốc Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2025 (Có kế hoạch riêng). 

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO

TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Dành cho các bộ, ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội nông dân Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam)

(Kèm theo Công văn số: 1865/BNV-CVL ngày 28 tháng 4 năm 2025

của Bộ Nội vụ)

Phần thứ nhất

**CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
THI HÀNH LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CHÍNH
SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

1. Công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng.
2. Tình hình thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về An toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ).
3. Công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về ATVSLĐ.
4. Đánh giá chung.

**II. THỂ CHẾ HÓA, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT AN TOÀN, VỆ
SINH LAO ĐỘNG**

1. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ATVSLĐ.
2. Tổ chức triển khai thực hiện Luật ATVSLĐ của các Bộ, ngành.
3. Đánh giá chung.

**III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN, VỆ SINH
LAO ĐỘNG**

1. Thanh tra, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện pháp luật ATVSLĐ.
2. Ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện pháp luật ATVSLĐ.
3. Các hoạt động quản lý nhà nước về ATVSLĐ.
4. Đánh giá chung.

Phần thứ hai

I. ĐÁNH GIÁ SỰ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG CỦA BỘ, NGÀNH, TỔ CHỨC

Đánh giá sự tác động tích cực của Luật An toàn, vệ sinh lao động và thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động đối với:

- Việc đảm bảo các quyền dân sự nói chung, quyền bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc nói riêng;
- Sự ổn định và phát triển doanh nghiệp, việc làm bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Đánh giá kết quả, bất cập, hạn chế trong quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động

Đánh giá nhiệm vụ được phân công tại phần II - Đề cương tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động. Đặc biệt chú ý các nội dung liên quan đến điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính.

2. Xác định những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn an toàn, vệ sinh lao động chưa được pháp luật quy định và cần được pháp luật điều chỉnh

Trong trường hợp thấy có những nội dung mới nảy sinh trong thực tiễn an toàn, vệ sinh lao động nhưng chưa được pháp luật quy định và cần được pháp luật điều chỉnh, thì đề nghị tổng kết, đánh giá về nội dung đó.

3. Đánh giá về mối quan hệ chòng chéo, mâu thuẫn, trùng lặp giữa các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động với quy định của luật, pháp lệnh khác, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

I. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN TỚI

1. Về kinh tế - xã hội

Đánh giá tổng thể về bối cảnh kinh tế - xã hội trên các khía cạnh chính về tăng trưởng, phát triển kinh tế, đầu tư, phát triển các ngành, khu vực, vùng, giáo dục, đào tạo, môi trường ... tác động đến giải quyết việc làm, ATVSLĐ và việc sửa đổi, bổ sung các quy định về ATVSLĐ.

2. Chủ trương, quan điểm của Đảng

Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công

tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới; Nghị quyết số 209/NQ-CP của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW.

- Những yêu cầu đặt ra từ thực trạng thị trường lao động đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Quan điểm chỉ đạo

- Quan điểm chỉ đạo, định hướng tại Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

- Quan điểm chỉ đạo, định hướng tại Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới

- Các Luật khác, Nghị quyết khác.

2. Mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật ATVSLĐ

III. ĐỀ XUẤT CÁC CHÍNH SÁCH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO

TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Dành cho các tập đoàn, tổng công ty, địa phương)

(Kèm theo Công văn số **1865**/BNV-CVL ngày **28** tháng **4** năm 2025

của Bộ Nội vụ)

Phần thứ nhất

**CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
THI HÀNH LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CHÍNH
SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

1. Công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng.
2. Tình hình thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về An toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ).
3. Công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về ATVSLĐ.

4. Đánh giá chung.

**II. THỂ CHẾ HÓA, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT AN TOÀN, VỆ
SINH LAO ĐỘNG**

1. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ATVSLĐ.
2. Tổ chức triển khai thực hiện Luật ATVSLĐ của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương.
3. Đánh giá chung.

**III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN, VỆ SINH
LAO ĐỘNG**

1. Thanh tra, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện pháp luật ATVSLĐ.
2. Ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện pháp luật ATVSLĐ.
3. Các hoạt động quản lý nhà nước về ATVSLĐ.
4. Đánh giá chung.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

I. TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

1. Tình hình tai nạn lao động

- Tổng kê số liệu tai nạn lao động (TNLD) cả giai đoạn và từng năm trên cả hai lĩnh vực có quan hệ lao động và không có quan hệ lao động.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

2. Tình hình bệnh nghề nghiệp

- Tổng kê số liệu bệnh nghề nghiệp (BNN) cả giai đoạn và từng năm.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ATVSLĐ

1. Nhóm chính sách phòng ngừa TNLD, BNN

1.1. Công tác tập huấn ATVSLĐ:

- Đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về thông tin, tuyên truyền, tập huấn ATVSLĐ cho các nhóm đối tượng từ NSDLĐ, NLĐ làm việc cả khu vực có quan hệ lao động và không có quan hệ lao động.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

1.2. Tình hình chấp hành các quy định về chế độ bảo hộ lao động, ATVSLĐ; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe NLĐ; điều kiện lao động:

- Đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về chế độ bảo hộ lao động, ATVSLĐ; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe NLĐ; điều kiện lao động.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

2. Nhóm chính sách khắc phục rủi ro

- Đánh giá việc thực hiện chính sách khắc phục rủi ro.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

3. Tình hình và kết quả thực hiện Bảo hiểm TNLD, BNN

- Đánh giá việc thực hiện thực hiện Bảo hiểm TNLD, BNN.

- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

4. Việc thực hiện chính ATVSLĐ đối với lao động đặc thù

- Đánh giá việc thực hiện chính sách ATVSLĐ đối với lao động đặc thù.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

5. Công tác quản lý máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

- Đánh giá việc thực hiện quản lý máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

6. Công tác quản lý nhà nước về ATVSLĐ

- Đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATVSLĐ.
- Tồn tại, hạn chế (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) và nguyên nhân.
- Kiến nghị, đề xuất (quy định pháp luật, tổ chức thực hiện) để nâng cao hiệu quả.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

I. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN MỚI

1. Về kinh tế - xã hội

Đánh giá tổng thể về bối cảnh kinh tế - xã hội trên các khía cạnh chính về tăng trưởng, phát triển kinh tế, đầu tư, phát triển các ngành, khu vực, vùng, giáo dục, đào tạo, môi trường ... tác động đến giải quyết việc làm, ATVSLĐ và việc sửa đổi, bổ sung các quy định về ATVSLĐ.

2. Chủ trương, quan điểm của Đảng

Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới; Nghị quyết số 209/NQ-CP của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW.

- Những yêu cầu đặt ra từ thực trạng thị trường lao động đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Quan điểm chỉ đạo

- Quan điểm chỉ đạo, định hướng tại Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

- Quan điểm chỉ đạo, định hướng tại Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới

- Các Luật khác, Nghị quyết khác.

2. Mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật ATVSLĐ

III. ĐỀ XUẤT CÁC CHÍNH SÁCH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG ✓

DANH SÁCH BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ GỬI

(Kèm theo Công văn số 1865/BNV-CVL ngày 28/4/2025 của Bộ Nội Vụ)

1. Các bộ, ngành:

- Bộ Công an
- Bộ Quốc phòng
- Bộ Công thương
- Bộ Xây dựng
- Bộ Ngoại giao
- Tòa án nhân dân tối cao
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao
- Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam

2. Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (63);

3. Các Tập đoàn, Tổng Công ty:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- Tổng Công ty Viễn thông MobiFone;
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam;
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam;
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
- Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam;
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam;
- Tổng Công ty Cà phê Việt Nam;
- Tổng Công ty Lương thực miền Nam;
- Tổng Công ty Lương thực miền Bắc;
- Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

